

TẬP ĐOÀN THAN – KS VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐỊA CHẤT VIỆT BẮC – TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số TTĐHCĐ-2026

Hà Nội, ngày tháng năm 2026.

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

(V/v Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV

Căn cứ luật doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua.

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc – TKV

Căn cứ kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025. Công ty đạt được các chỉ tiêu KQSXKD như sau:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch 2025 | Thực hiện 2025 | Tỷ lệ TH/KH |
|----|------------------|------|---------------|----------------|-------------|
| 1 | Sản lượng | Mét | 26.823 | 33.099 | 123,4% |
| 2 | Tổng Doanh thu | Tr.đ | 180.449 | 233.463 | 129,4% |
| 3 | LN trước thuế | Tr.đ | 2.509 | 3.869 | 154,2% |
| 4 | LN sau thuế | Tr.đ | 1.907 | 3.078 | 161,4% |
| 5 | Tỷ lệ trả cổ tức | % | 1 | 1.5 | 150.0% |

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội xem xét và thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

| Nội dung | ĐVT: đồng Số tiền |
|---------------------------------------|----------------------|
| I. Lợi nhuận sau thuế năm 2025. | 3.078.228.163 |
| II. Phân phối lợi nhuận: | 3.078.228.163 |
| 1. Trả cổ tức (1,5%) | 1.290.000.000 |
| 2. Số còn lại sau khi trả cổ tức | 1.788.228.163 |
| + Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi | 1.788.228.163 |

Kính trình đại hội uỷ quyền cho HĐQT và Ban điều hành thực hiện phân phối lợi nhuận như trên. Kính trình đại hội xem xét biểu quyết./.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch

Lê Quang Bình

KẾ HOẠCH THU CHI QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI NĂM 2026

Công ty CP Địa chất Việt Bắc - TKV

- Căn cứ vào quy chế tài chính, quy chế sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi của Công ty CP địa chất Việt Bắc - TKV ban hành
 - Căn cứ vào số dư quỹ khen thưởng phúc lợi tại thời điểm 01/01/2026 và dự kiến trích bổ sung từ lợi nhuận sau thuế năm 2025 của Công ty
- Công ty địa chất Việt Bắc - TKV thông qua trước Đại hội cổ đông công ty về kế hoạch thu chi quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2026 của Công ty với nội dung sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Nội dung | KH năm 2026 | Ghi chú |
|------------|--|--------------|---------|
| I | Số dư đầu năm 2025, trong đó: | 1,736 | |
| 1 | Quỹ khen thưởng | 1,637 | |
| 2 | Quỹ phúc lợi | 99 | |
| II | Phát sinh Tăng trong năm 2025 | 1,694 | |
| | Trong đó: | | |
| 1 | Tăng do PPLN: | 1,295 | |
| | Quỹ khen thưởng | 145 | |
| | Quỹ phúc lợi | 1,150 | |
| 2 | Tăng do TKV khen thưởng, phúc lợi | 399 | |
| | Khen thưởng | 389 | |
| | Phúc lợi | 10 | |
| III | Chi trong năm 2025 | 1,618 | |
| 2 | Chi quỹ khen thưởng | 1,060 | |
| 3 | Chi quỹ phúc lợi | 558 | |
| IV | Số dư đầu năm 2026 | 1,812 | |
| 1 | Quỹ khen thưởng | 1,111 | |
| 2 | Quỹ phúc lợi | 701 | |
| II | Dự kiến tăng trong năm 2026 | 1,988 | |
| 1 | Quỹ khen thưởng | 1,369 | |
| - | Quỹ khen thưởng trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2025 | 1,169 | |
| | Tập đoàn khen thưởng | 200 | |
| 2 | Quỹ phúc lợi | 619 | |
| | Quỹ phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế 2025 | 619 | |
| | Tập đoàn phúc lợi | 0 | |

| | | | |
|------------|---|--------------|--|
| III | Kế hoạch chi trong năm 2026 | 2.350 | |
| 1 | Chi Quỹ khen thưởng | 1.200 | |
| - | Thưởng cho các tập thể và cá nhân có thành tích trong SXKD của Công ty | 900 | |
| - | Thưởng cho các phong trào và các hoạt động khác của Công ty | 300 | |
| 2 | Chi quỹ phúc lợi | 1.150 | |
| - | Chi cho các hoạt động văn hóa, thể thao của Công ty | 100 | |
| - | Hỗ trợ chi phí tham quan, du lịch trong và ngoài nước | | |
| - | Chi trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn | 50 | |
| - | Chi từ thiện XH và hoạt động xã hội khác | | |
| - | Chi hỗ trợ người lao động do sắp xếp lại, trợ cấp cho đơn vị cấp dưới và chi khác | 1.000 | |
| IV | Số dư quỹ chuyển năm sau: | 1.450 | |
| 1 | Quỹ khen thưởng | 1.280 | |
| 2 | Quỹ phúc lợi | 170 | |

Hà Nội ngày 10 tháng 3 năm 2026

Kế toán trưởng

Giám Đốc

Người đại diện phần vốn

TKV tại Công ty



Cao Thị Tuyết Lan



Nguyễn Danh Tuyên



Lê Quang Bình

BÁO CÁO
PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, TRẢ CỔ TỨC VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ
Năm 2025

| TT | Nội dung | Đơn vị tính | Phương án công ty đề nghị | Ghi chú |
|------------|---|----------------|---------------------------|-----------------|
| I | VỐN ĐIỀU LỆ | Tr.đồng | | |
| | Trong đó: + Tỷ lệ vốn góp của Tập đoàn | % | 92 | |
| | + Giá trị vốn góp của Tập đoàn | Tr.đồng | 79 120 | |
| II | ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP | | | Mẫu 04 kèm theo |
| 1 | Chỉ tiêu 1: Doanh thu và thu nhập khác | | | |
| a | Kế hoạch doanh thu năm báo cáo | Tr.đồng | 180 449 | |
| b | Tổng Doanh thu thực hiện năm báo cáo: (Bao gồm: Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10) + Doanh thu hoạt động về tài chính (Mã số 21) + Thu nhập khác (Mã số 31) | Tr.đồng | 233 463 | |
| c | Tỷ lệ % Thực hiện/Kế hoạch ($c=b/a*100$) | % | 129.38 | |
| | Đánh giá xếp loại theo chỉ tiêu 1: | A,B,C | A | |
| 2 | Chỉ tiêu 2: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân | | | |
| 2.1 | Lợi nhuận kế hoạch | | | |
| a | Kế hoạch lợi nhuận | Tr.đồng | 1 907 | sau thuế TNDN |
| b | Vốn CSH bình quân kế hoạch: | Tr.đồng | 86 414 | |
| c | Tỷ suất lợi nhuận KH/Vốn CSH bình quân KH ($c=a/b*100$) | % | 2.21 | |
| 2.2 | Lợi nhuận thực hiện | | | |
| d | Lợi nhuận thực hiện sau thuế | Tr.đồng | 3 078 | |
| e | Vốn chủ sở hữu bình quân thực hiện: (Tổng (Vốn góp của CSH (Mã số 411) + Quỹ đầu tư phát triển (Mã số 418) + Nguồn vốn đầu tư XDCB (Mã số 422)) bình quân thực hiện 4 quý | Tr.đồng | 86 414 | Mẫu 02 kèm theo |
| f | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bình quân thực hiện ($f=d/e*100$) | % | 3.56 | |
| 2.3 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế thực hiện/Tỷ suất Lợi nhuận kế hoạch ($2.3=f/c$) | % | 161.39 | |
| | Đánh giá xếp loại theo chỉ tiêu 2: | A,B,C | A | |
| 3 | Chỉ tiêu 3: Nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ đến hạn | | | |
| a | Nợ phải trả quá hạn (theo công ty báo cáo) | Tr.đồng | | |
| b | Tài sản ngắn hạn (MS 100-BCĐKT) | Tr.đồng | 152 082 | |
| c | Nợ ngắn hạn (MS 310-BCĐKT) | Tr.đồng | 88 119 | |
| d | Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn ($d=b/c$) | Lần | 1.73 | |
| | Đánh giá xếp loại theo chỉ tiêu 3: | A,B,C | A | |

| | | | | |
|-----|--|-------------------|--------|--------------------|
| 4 | Chỉ tiêu 4: Tình hình chấp hành chế độ, chính sách pháp luật | | | Mẫu 03 kèm theo |
| + | Công ty báo cáo trong năm 2025, Công ty có/không có vi phạm chế độ chính sách | | không | |
| | Đánh giá xếp loại theo chỉ tiêu 4 | A,B,C | A | |
| 5 | Tổng hợp xếp loại doanh nghiệp 2025 | | | |
| | | | | |
| III | PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2025 | | | |
| 1 | Lợi nhuận sau thuế | Tr.đồng | 3 078 | |
| | Trong đó: - LN năm trước chuyển sang | Tr.đồng | | |
| | - LN năm nay | Tr.đồng | 3 078 | |
| 2 | Lợi nhuận để lại chưa phân phối năm nay | Tr.đồng | | |
| | Trong đó: Tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 31/12/2025 | Tr.đồng | | |
| 3 | Phương án trả cổ tức năm 2025 | | 860 | |
| 3.1 | Tỷ lệ trả cổ tức theo NQ ĐHCĐ đầu năm | % | 1 | |
| 3.2 | Tỷ lệ trả cổ tức đơn vị đề nghị | % | 1.50 | |
| 3.3 | Số tiền trả cổ tức | Tr.đồng | 1 290 | |
| 4 | Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế (nếu có) | Tr.đồng | | |
| 5 | Lợi nhuận còn lại (5=1-2-3.3-4) | Tr.đồng | 1 788 | |
| a | Trích quỹ đầu tư phát triển | Tr.đồng | | |
| b | Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 1 788 | |
| b1 | Quỹ lương thực hiện năm 2025 của công ty | Tr.đồng | 67 745 | |
| b2 | Quỹ lương thực hiện bình quân 1 tháng của Công ty | Tr.đồng | 5 645 | |
| + | Số lao động bình quân 2025 | Người | 304 | |
| + | Tiền lương bình quân năm 2025 | 1000đ/ng/th | 18.570 | |
| b3 | Số tháng lương được trích tối đa (3 tháng lương) | Tháng | 3 | |
| b4 | Mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | Tr.đồng | 1 788 | |
| + | Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi/tháng lương BQ | Tháng lương BQ | 0.317 | |
| + | Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi/LĐ BQ | Trđ/người | 5.882 | |
| | | | | |

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Duy Dũng

Cao Thị Tuyết Lan

Nguyễn Danh Tuyên

BẢNG TÍNH VỐN CHỦ SỞ HỮU BÌNH QUÂN VÀ TỶ SUẤT LỢI NHUẬN TRÊN VỐN
Năm 2025

| T T | Chỉ tiêu | Vốn chủ sở hữu tại bảng cân đối kế toán các quý | | | | | | Lợi nhuận sau thuế | | Tỷ suất lợi nhuận/VCSH (%) | |
|--------|------------------------------------|---|--------|---------|--------|--------|---------------|--------------------|-----------|-------------------------------|------|
| | | Vốn | | | | | VCSHBQ năm | KH | Thực hiện | KH | TH |
| | | Quý I | Quý II | Quý III | Quý IV | Quý V | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1 | Vốn góp của CSH (Mã số 411) | 86 000 | 86 000 | 86 000 | 86 000 | 86 000 | 86 000 | 2 509 | 3 078 | 2.92 | 3.58 |
| 2 | Quý đầu tư phát triển (Mã số 418) | 414 | 414 | 414 | 414 | 414 | 414 | | | | |
| 3 | Nguồn vốn đầu tư XD CB (Mã số 422) | | | | | | | | | | |
| | Cộng (1+2+3) | 86 414 | 86 414 | 86 414 | 86 414 | 86 414 | 86 414 | 2 509 | 3 078 | 2.90 | 3.56 |

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Danh Tuyên

Cao Thị Tuyết Lan

Nguyễn Duy Dũng

TÌNH HÌNH CHẤP HÀNH CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

Năm 2025

| Tiêu chí 4: Tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành | Có | Không |
|--|--------------------------|-------------------------------------|
| -Doanh nghiệp xếp loại A khi đáp ứng các điều kiện sau: | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| +Trong năm đánh giá xếp loại, doanh nghiệp không bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính trong lĩnh vực thuế đối với nhóm hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu và nhóm hành vi trốn thuế. | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| +Không bị hoặc bị cơ quan đại diện chủ sở hữu/cơ quan tài chính nhắc nhở bằng văn bản 01 lần về việc nộp báo cáo để thực hiện giám sát tài chính, báo cáo xếp loại doanh nghiệp, báo cáo tài chính không đúng quy định, không đúng thời hạn. | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| -Doanh nghiệp vi phạm một trong các trường hợp sau xếp loại B: | | |
| +Trong năm đánh giá xếp loại, doanh nghiệp bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính trong lĩnh vực thuế do có 01 hành vi vi phạm thuộc nhóm hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu. | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| +Bị cơ quan đại diện chủ sở hữu/cơ quan tài chính nhắc nhở bằng văn bản 02 lần về việc nộp báo cáo để thực hiện giám sát tài chính, báo cáo xếp loại doanh nghiệp, báo cáo tài chính không đúng quy định, không đúng thời hạn. | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| -Doanh nghiệp vi phạm một trong các trường hợp sau xếp loại C: | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| +Trong năm đánh giá xếp loại, doanh nghiệp bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế do có từ 02 hành vi vi phạm khác nhau trở lên thuộc nhóm hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu; Hoặc doanh nghiệp có hành vi trốn thuế theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn. | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| +Bị cơ quan đại diện chủ sở hữu/cơ quan tài chính nhắc nhở bằng văn bản từ 03 lần trở lên về việc nộp báo cáo để thực hiện giám sát tài chính, báo cáo xếp loại doanh nghiệp, báo cáo tài chính không đúng quy định, không đúng thời hạn. | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| + Người quản lý doanh nghiệp vi phạm pháp luật trong quá trình thực thi nhiệm vụ của doanh nghiệp được đánh giá xếp loại thuộc một trong những lĩnh vực đã nêu tại điểm a khoản 4 Điều 12 Thông tư này theo công bố, kết luận của cơ quan chức năng. | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Duy Dũng

Cao Thị Tuyết Lan

Nguyễn Danh Tuyên

BẢNG TỰ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2025

| Chỉ tiêu 1(tr.đồng) | | | Chỉ tiêu 2 | | | Chỉ tiêu 3 | | | | Chỉ tiêu 4 (tình hình chấp hành các quy định pháp luật) | Chỉ tiêu 5 (tình hình thực hiện sản phẩm công ích) Xếp loại | Xếp loại DN |
|----------------------------|---------|----------|----------------|------|----------|--------------------------------|-----------------|-----------------|----------------------|---|---|-------------|
| Doanh thu và thu nhập khác | | | | | | Khả năng thanh toán nợ đến hạn | | | Xếp loại | | | |
| KH | TH | Xếp loại | Tỷ suất LN/vốn | | Xếp loại | TSNH (tr đồng) | Nợ NH (tr đồng) | TSNH/NN H (lần) | Nợ quá hạn (tr đồng) | Xếp loại | | |
| | | | KH | TH | | | | | | | | |
| 180 449 | 233 463 | A | 2.90 | 3.56 | A | 152 082 | 88 119 | 1.73 | | A | A | A |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Duy Dũng



Cao Thị Tuyết Lan



Nguyễn Danh Tuyên